

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ST
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2025/HNGĐ-ST**.

Ngày: 12 - 3 - 2025.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ST, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Châu.

Bà Trần Thanh Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý, thư ký Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ST tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 19XX; Địa chỉ: Số A, đường A1, Khóm A2, Phường 3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn H**, sinh năm 19XX; Địa chỉ: Số B, đường B1, Khóm B2, Phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Lê Văn H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A3, thành phố ST 16/02/2009. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng khác biệt về cách sống dẫn đến thiếu sự thông cảm cho nhau.

Hiện nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung của vợ chồng đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung cũng không thể tiếp tục kéo dài. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Lê Văn H có hai người con chung là cháu Lê Thị Quế A (nữ), sinh ngày: 21/04/20XX và cháu Lê Hùng H1 (nam), sinh ngày: 17/02/20XX. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lê Thị Quế A và cháu Lê Hùng H1. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H, sinh năm 19XX; Địa chỉ: Địa chỉ: Số B2, đường B1, Khóm B2, Phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật để giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thành phố Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Lê Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng bà L và ông H vắng mặt, bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Lê Văn H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Lê Văn H xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không có sự đồng cảm với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn tôn trọng nhau và cũng không hòa giải được nữa, bà L và ông H đã chính thức bỏ nhau và sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông, bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L cho bà L được ly hôn với ông H.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Lê Văn H có hai người con chung là cháu Lê Thị Quế A (nữ), sinh ngày: 21/04/20XX và cháu Lê Hùng H1 (nam), sinh ngày: 17/02/20XX. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Lê Thị Quế A và cháu Lê Hùng H1 cho đến khi hai con đủ tuổi trưởng thành. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 16/12/2024 thì cháu A và cháu H1 cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó nhằm để ổn định cuộc sống, việc học tập cũng như tâm lý của cháu A và cháu H1 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu H1 cho đến tuổi trưởng thành. Nên yêu cầu của bà L về việc giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu ông Lê Văn H cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu H1. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L tự trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L tự trình bày không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L với ông Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao hai người con chung là cháu Lê Thị Quế A (nữ), sinh ngày: 21/04/20XX và cháu Lê Hùng H1 (nam), sinh ngày: 17/02/20XX cho bà Nguyễn Thị Mỹ L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu hai con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn H không cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Quế A và cháu Lê Hùng H1.

Ông Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Thị Quế A (nữ), sinh ngày: 21/04/20XX và cháu Lê Hùng H1 (nam), sinh ngày: 17/02/20XX mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002080 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Bà L đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh ST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan

